

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 8 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thái và ông Hoàng Thanh Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Quảng Trung T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 02 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Minh A trình bày: Chị và anh Quảng Trung T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2016 tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xung đột. Đến tháng 3/2018, anh T đi sài gòn làm ăn nhưng không có trách nhiệm gì với vợ con. Tháng 5/2018, anh T về nhà và gây sự với chị và bố chị. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2022, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích và đã được Tòa án tuyên bố anh T mất tích tại Quyết định

số 05/2022/QĐST-VDS ngày 16/5/2022. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống của bản thân.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Quảng Quốc C, sinh ngày 13/3/2017 (Do vợ chồng sống chung trước khi kết hôn nên sau khi kết hôn được 3 tháng thì sinh con). Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Quảng Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tiến hành tố tụng: Việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn mất tích nên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng chấp hành, tiến hành, thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Xét xử vụ án vắng mặt anh Quảng Trung T; chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn với anh Quảng Trung T; giao con chung Quảng Quốc C, sinh ngày 13/3/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Anh T có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Xét thấy bị đơn anh T là người bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 05/2022/QĐST-VDS ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, đến nay anh T chưa trở về, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Quảng Trung T

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, anh T đã bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, không có liên lạc gì với chị A cũng như gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn với anh Quảng Trung T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Qua lời trình bày của chị A và lời khai của bà Nguyễn Thị H (mẹ anh T) thì vợ chồng có 01 con chung là Quảng Quốc C, sinh ngày 13/3/2017. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị A xin được nuôi con là hoàn toàn chính đáng, vì từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay cháu C ở với mẹ, hiện nay anh T đi đâu không rõ. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Quảng Quốc C cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị A không yêu cầu

[4] Về tài sản chung: Chị A trình bày chị và anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước theo đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn anh Quảng Trung T
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A. Xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn với anh Quảng Trung T
3. Về con chung: Giao con chung là Quảng Quốc C, sinh ngày 13/3/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con
4. Về tài sản chung: Không xem xét
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: xử buộc chị Nguyễn Thị Minh A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003393 ngày 20/6/2022. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Tướng Thị Hà

